

Cao Bằng, ngày 18 tháng 02 năm 2020

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 61 (Nguyễn Bình)

Môn: Phần V.1. Một số kỹ năng lãnh đạo quản lý của cán bộ lãnh đạo quản lý ở cơ sở

Ngày thi: 10/02/2020

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Đình Văn Ân	6.75	Sáu phẩy bảy năm	36	Lường Văn Minh	8.00	Tám
2	Nông Thị Banh	7.00	Bảy	37	Ngô Văn Mùi	7.50	Bảy phẩy năm
3	Đình Vĩnh Bắc	7.25	Bảy phẩy hai năm	38	Hoàng Văn Nam	7.00	Bảy
4	Chu Thị Bích	7.00	Bảy	39	Lục Sành Nần	7.50	Bảy phẩy năm
5	Bàn Mùi Chài	6.50	Sáu phẩy năm	40	Nông Văn Nguyên	6.50	Sáu phẩy năm
6	Hoàng Quốc Chấn	6.50	Sáu phẩy năm	41	Lương Thị Ngu	6.50	Sáu phẩy năm
7	Lý Văn Châu	7.00	Bảy	42	Mã Thị Linh Nhâm	8.00	Tám
8	Hoàng Chàn Chiu	7.00	Bảy	43	Lý Hữu Nhất	6.75	Sáu phẩy bảy năm
9	Triệu Tồn Chuông	6.50	Sáu phẩy năm	44	Lý Văn Nhị	6,75	Sáu phẩy bảy năm
10	Hà Văn Dương	7.75	Bảy phẩy bảy năm	45	Hà Phạm Nhon	8.00	Tám
11	Hà Thị Điệp	7.50	Bảy phẩy năm	46	Hoàng Chàn Páo		Không thi
12	Hà Văn Đình	7.00	Bảy	47	Hầu Thị Phong	6.75	Sáu phẩy bảy năm
13	Ma Thị Gấm	8.00	Tám	48	Tô Đình Phong	6.50	Sáu phẩy năm
14	Đặng Thu Hà	7.75	Bảy phẩy bảy năm	49	Trần Thị Phương	7.00	Bảy
15	Chu Thanh Hải	7.00	Bảy	50	Đình Thị Phụng	6.50	Sáu phẩy năm
16	Lục Thị Minh Hạnh	7.50	Bảy phẩy năm	51	Hoàng Thị Quế	7.75	Bảy phẩy bảy năm
17	Cung Lệ Hằng	7.00	Bảy	52	Đặng Văn Quyên	7.00	Bảy
18	Nông Thị Hiệp	8.00	Tám	53	Nguyễn Thị Sáu	7.25	Bảy phẩy hai năm
19	Dịch Trung Hiếu	7.75	Bảy phẩy bảy năm	54	Đặng Văn Sơn	7.00	Bảy
20	Lương Thanh Hiếu	8.00	Tám	55	Hoàng Chàn Sơn	7.00	Bảy
21	Hoàng Thị Như Hoa	7.50	Bảy phẩy năm	56	Hoàng Đức Sơn	7.50	Bảy phẩy năm
22	Mã Thị Hợp	6.50	Sáu phẩy năm	57	Hà Hữu Thạch	6.75	Sáu phẩy bảy năm
23	Lãnh Thị Huệ	7.00	Bảy	58	Đặng Hữu Thanh	6.50	Sáu phẩy năm
24	Lý Thị Thanh Huyền	7.00	Bảy	59	Bàn Thị Thắm	8.00	Tám
25	Đặng Thúy Hương	7.25	Bảy phẩy hai năm	60	Lý Dương Thế	7.25	Bảy phẩy hai năm
26	Bàn Tuấn Khánh	7.75	Bảy phẩy bảy năm	61	Hà Thị Ngọc Thoan	7.25	Bảy phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
27	Lục Quốc Khánh	7.75	Bảy phẩy bảy năm	62	Triệu Văn Thuận	7.00	Bảy
28	Phùng Tồn Khe	7.00	Bảy	63	Nông Thị Tiếp	7.00	Bảy
29	Đình Phương Lan	8.00	Tám	64	Phùng Văn Trình	6.50	Sáu phẩy năm
30	Hoàng Thị Lâm	7.00	Bảy	65	Bé Ích Trung	6.75	Sáu phẩy bảy năm
31	Đoàn Ngọc Linh	7.00	Bảy	66	Đặng Quang Trung	7.00	Bảy
32	Chu Văn Lợi	6.50	Sáu phẩy năm	67	Chu Văn Trường	7.25	Bảy phẩy hai năm
33	Bàn Phụ Lý	7.00	Bảy	68	Lục Thị Tuyên	7.75	Bảy phẩy bảy năm
34	Hoàng Thị Mai	7.75	Bảy phẩy bảy năm	69	Hoàng Kim Tuyên	7.50	Bảy phẩy năm
35	Lý Thị Mai	8.00	Tám	70	Bàn Thị Viện	7.50	Bảy phẩy năm


Điểm 6,50: 11 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 21 điểm; Điểm 7,25: 06 điểm; Điểm 7,50: 09 điểm;
Điểm 7,75: 08 điểm; Điểm 8,00: 09 điểm./.

GHI ĐIỂM




Hà Huyền Nga

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Hoàng Việt Hưng

HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Ánh Hoa